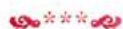




CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424



BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2018

NĂM 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	01/01/2018
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		225,556,217,616	197,919,788,468
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	81,177,919,436	50,360,540,017
1. Tiền	111		31,177,919,436	18,660,540,017
2. Các khoản tương đương tiền	112		50,000,000,000	31,700,000,000
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		124,801,432,205	123,101,316,053
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	113,904,007,631	112,385,056,009
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9,005,189,868	9,107,224,611
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	3,877,326,242	3,594,126,969
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1,985,091,536)	(1,985,091,536)
IV . Hàng tồn kho	140	V.6	15,311,077,091	20,068,590,750
Hàng tồn kho	141		15,311,077,091	20,068,590,750
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		4,265,788,884	4,389,341,648
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2,399,202,215	3,289,786,145
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		533,073,505	1,099,555,503
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.0	1,333,513,164	-
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		254,915,616,761	284,129,949,136
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		7,901,515	7,901,515
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	7,901,515	7,901,515
II . Tài sản cố định	220		210,741,827,956	215,821,215,714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	210,078,311,235	215,164,353,136
Nguyên giá	222		685,587,983,919	679,798,003,772
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(475,509,672,684)	(464,633,650,636)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	663,516,721	656,862,578
Nguyên giá	228		4,801,186,666	4,651,186,666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,137,669,945)	(3,994,324,088)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	9,956,425,271	12,468,282,925
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9,956,425,271	12,468,282,925
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250		8,330,000	8,330,000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8,330,000	8,330,000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		34,201,132,019	55,824,218,982
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	34,201,132,019	55,824,218,982
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		480,471,834,376	482,049,737,604

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	31/12/2017
C . NỢ PHẢI TRẢ	300		274,742,275,387	273,321,677,654
I . Nợ ngắn hạn	310		249,331,927,283	249,574,374,664
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	185,492,549,009	153,361,303,772
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.0a	9,957,064,685	4,334,289,690
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.0	13,566,090,037	15,384,220,961
Phải trả người lao động	314		4,534,695,352	17,554,600,887
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.0a	19,831,286,887	39,515,227,083
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.0	14,463,668,748	15,483,856,213
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.0	1,338,333,554	1,788,212,721
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.0a	148,239,011	2,152,663,337
II . Nợ dài hạn	330		25,410,348,104	23,747,302,990
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12	18,504,994,801	18,845,260,211
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	5,715,047,132	3,711,736,608
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.14	1,190,306,171	1,190,306,171
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		205,729,558,989	208,728,059,950
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.15	205,729,558,989	208,728,059,950
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130,000,000,000	130,000,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130,000,000,000</i>	<i>130,000,000,000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63,113,094,929	63,113,094,929
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12,616,464,060	15,614,965,021
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>15,614,965,021</i>	<i>1,341,752,120</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(2,998,500,961)</i>	<i>14,273,212,901</i>
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		480,471,834,376	482,049,737,604

Hành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2018



LÊ TRỌNG HIỆU
Giám đốc

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018


MẪU B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2018		Quý 1 năm 2017	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		234,690,646,194		233,978,566,581	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		157,494,334		39,818,250	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	234,533,151,860		233,938,748,331	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	225,735,270,371		226,650,688,384	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8,797,881,489		7,288,059,947	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	142,981,665		109,343,341	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	156,470,636		215,945,750	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		156,470,636		215,945,750	
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3,645,802,364		3,116,951,185	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8,173,297,786		7,927,513,727	
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3,034,707,632)		(3,863,007,374)	
11. Thu nhập khác	31		107,902,931		692,605,232	
12. Chi phí khác	32		71,696,260		66,011,193	
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	36,206,671		626,594,039	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2,998,500,961)		(3,236,413,335)	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8				
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9			-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2,998,500,961)		(3,236,413,335)	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	(231)		(249)	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	(231)		(249)	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2018




VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2018	Quý 1 năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2,998,500,961)	(3,236,413,335)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11,019,367,905	12,185,343,973
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(142,981,665)	(109,343,341)
- Chi phí lãi vay	06		156,470,636	215,945,750
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8,034,355,915	9,055,533,047
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2,550,584,818)	(7,670,880,831)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4,757,513,659	23,051,894,228
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15,195,205,450	(41,259,799,471)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		22,513,670,893	8,736,937,950
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(156,470,636)	(215,945,750)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,520,826,326)	(3,178,813,252)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		110,990,000	113,100,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2,115,414,326)	(1,698,544,599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		42,268,439,811	(13,066,518,678)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11,219,990,003)	(13,048,416,684)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		226,419,165	142,926,674
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10,993,570,838)	(12,905,490,010)

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2018	Quý 1 năm 2017
III . Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(449,879,167)	(623,717,983)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7,610,387)	(21,327,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(457,489,554)	(645,045,483)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		30,817,379,419	(26,617,054,171)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50,360,540,017	45,735,185,677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	81,177,919,436	19,118,131,506

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2018



Cm 2

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng

[Signature]
NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

• **Vốn điều lệ** : 13.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-08) 3 9552 354

Fax : (84-08) 3 9550 424

Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 là 445 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 448 người).

II. KỶ KẾ TOÁN. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm thứ 12 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty Cổ Phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Thay đổi ước tính kế toán

Căn cứ Thông tư 23/2013/TT-BKHCHN về việc quy định đo lường đối với các phương tiện đo nhóm 2, trong đó đồng hồ nước lạnh cơ khí chu kỳ kiểm định là 5 năm. Ban Giám đốc Công ty quyết định thay đổi thời gian phân bổ các chi phí phát sinh liên quan đến việc gắn mới đồng hồ nước từ 3 năm lên 5 năm cho phù hợp với đặc tính kỹ thuật của đồng hồ nước.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu. Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần. hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật. Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản phụ không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”. cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Phương tiện truyền dẫn	10 - 30

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Tài sản cố định" khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Chi phí gắn đồng hồ nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ....

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009. Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008. Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay là năm thứ 9 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Tiền mặt	23.209.161	17.995.993
Tiền gửi ngân hàng	31.154.710.275	18.642.544.024
Các khoản tương đương tiền (i)	50.000.000.000	31.700.000.000
Cộng	<u>81.177.919.436</u>	<u>50.360.540.017</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại Cổ Phần Sài Gòn chi nhánh Bình Tây và Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam với lãi suất 5%/năm (năm 2016: 5%/năm).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/03/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khách hàng liên quan đến ngành nước	113.904.007.631	1.985.091.536	112.385.056.009	1.985.091.536
Cộng	<u>113.904.007.631</u>	<u>1.985.091.536</u>	<u>112.385.056.009</u>	<u>1.985.091.536</u>

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<u>31/03/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	104.029.107.614	-	104.486.986.997	-
Cộng	<u>104.029.107.614</u>	<u>-</u>	<u>104.486.986.997</u>	<u>-</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	2.196.000.000	2.196.000.000
Công ty TNHH MTV Hưng Đại Việt	736.516.148	1.238.991.723
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.614.682.386	1.614.682.386
Công Ty TNHH XD B C N & Đường Ong Hoàng Thăng	429.740.457	810.821.820
Công ty TNHH MTV BÁ ĐỨC	2.132.117.814	1.702.000.000
Công Ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	261.229.733	446.849.460
Các khách hàng khác	1.634.903.330	1.097.879.222
Cộng	<u>9.005.189.868</u>	<u>9.107.224.611</u>

Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan

	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	261.229.733	446.849.460
Cộng	<u>261.229.733</u>	<u>446.849.460</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>31/03/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	3.906.526.242	-	3.594.126.969	-
Phải thu khác là bên liên quan	2.872.765.106	-	2.987.027.416	-
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.872.765.106	-	2.987.027.416	-
Phải thu khác	1.033.761.136	-	607.099.553	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	469.844.908	-	184.938.868	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn		-	83.437.500	-
Phải thu khác	362.446.228	-	239.917.185	-
Tạm ứng	172.270.000	-	98.806.000	-
b) Phải thu dài hạn khác	7.901.515	-	7.901.515	-
Ký quỹ dài hạn	7.901.515	-	7.901.515	-
Cộng	<u>3.885.227.757</u>	-	<u>3.602.028.484</u>	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	31/03/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	113.904.007.631	111.918.916.095	1.985.091.536	112.385.056.009	110.399.964.473	1.985.091.536
Cộng	113.904.007.631	111.918.916.095	1.985.091.536	112.385.056.009	110.399.964.473	1.985.091.536

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt. phải thu về lãi trả chậm... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

6. Hàng tồn kho

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.183.295.842	-	13.608.878.562	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.781.249	-	6.459.712.188	-
Cộng	15.311.077.091	-	20.068.590.750	-

7. Chi phí trả trước

	31/03/2018	01/01/2018
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	2.399.202.215	3.289.786.145
Công cụ dụng cụ	2.399.202.215	2.492.386.145
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	-	797.400.000
Chi phí trả trước dài hạn	34.201.132.019	55.824.218.982
b) Chi phí sửa chữa vẫn phòng	176.277.881	186.159.069
Gắn đồng hồ nước theo ND 117	16.121.822.794	39.484.914.311
Thay đồng hồ nước	9.159.255.382	9.400.948.072
Chi phí CTOM	681.499.380	235.999.151
Lắp đặt màn sáo	42.059.983	51.766.134
Chi phí cải tạo ống mục & thay ĐHN điện tử phục vụ CTTN	5.071.665.350	2.947.263.633
Công cụ dụng cụ	88.804.892	106.565.871
Phần mềm ARCGIS	2.490.619.273	2.988.743.128
Xây dựng nhà kho vật tư	369.127.161	421.859.613
Cộng	36.600.334.234	59.114.005.127

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2018	29.000.000.000	936.718.486	632.169.320.477	17.691.964.809	679.798.003.772
Tăng trong năm	216.148.586	-	6.462.507.256	-	6.678.655.842
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	216.148.586	-	6.462.507.256	-	6.678.655.842
Giảm trong năm	-	-	888.675.695	-	888.675.695
Giảm khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm nguyên giá theo Quyết toán	-	-	888.675.695	-	888.675.695
Sửa chữa, tu bổ	-	-	-	-	-
31/03/2018	29.216.148.586	936.718.486	637.743.152.038	17.691.964.809	685.587.983.919
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2018	1.159.999.997	847.677.644	450.817.590.257	11.808.382.738	464.633.650.636
Tăng trong năm	145.460.874	10.733.562	10.021.431.043	698.396.569	10.876.022.048
Khấu hao trong năm	145.460.874	10.733.562	10.021.431.043	698.396.569	10.876.022.048
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Sửa chữa, tu bổ	-	-	-	-	-
31/03/2018	1.305.460.871	858.411.206	460.839.021.300	12.506.779.307	475.509.672.684

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải. truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Giá trị còn lại					
01/01/2018	27.840.000.003	89.040.842	181.351.730.220	5.883.582.071	215.164.353.136
31/03/2018	27.910.687.715	78.307.280	176.904.130.738	5.185.185.502	210.078.311.235
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:					
01/01/2018	-	742.166.486	260.664.393.820	4.538.556.430	265.945.116.736
31/03/2018	-	742.166.486	261.886.496.806	5.784.208.622	268.412.871.914

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm Quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá		
31/12/2017	4.651.186.666	4.651.186.666
Tăng trong năm	150.000.000	150.000.000
<i>Mua trong năm</i>	<i>150.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
Giảm trong năm		
<i>Giảm khác</i>		
31/03/2018	4.801.186.666	4.801.186.666
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2018	3.994.324.088	3.994.324.088
Tăng trong năm	143.345.857	143.345.857
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>143.345.857</i>	<i>143.345.857</i>
Giảm trong năm		
<i>Giảm khác</i>		
31/03/2018	4.137.669.945	4.137.669.945
Giá trị còn lại		
01/01/2018	656.862.578	656.862.578
31/03/2018	663.516.721	663.516.721
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
01-01-2018	3.600.946.666	3.600.946.666
31-03-2018	3.600.946.666	3.600.946.666

10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/03/2018	01/01/2017
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình di dời đường ống	3.262.545.543	3.332.960.847
Công trình chống thất thoát nước	1.576.144.863	3.033.189.793
Công trình cải tạo ống mục	-	350.541.982
Công trình ống cái	1.178.274.955	1.769.079.945
Phát triển mạng lưới	3.939.459.910	3.982.510.358
Hóa đơn điện từ	-	-
Cộng	9.956.425.271	12.468.282.925

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2017		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	176.824.237.554	176.824.237.554	145.615.297.241	145.615.297.241
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T			-	-
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	74.106.992	74.106.992	74.106.992	74.106.992
Công ty Cổ Phần Xây dựng số 5	1.138.159.366	1.138.159.366	2.909.598.399	2.909.598.399
Doanh nghiệp tư nhân Thảo Tín Vũ			-	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Minh Hòa			-	-
Cty TNHH Đan Vi	1.880.705.894	1.880.705.894	16.493.437	16.493.437
Cty CP ĐT XD Kỹ Nguyên	1.131.597.938	1.131.597.938	901.542.711	901.542.711
Nhà cung cấp khác	4.443.741.265	4.443.741.265	3.844.264.992	3.844.264.992
Cộng	185.492.549.009	185.492.549.009	153.361.303.772	153.361.303.772

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	176.824.237.554	176.824.237.554	145.615.297.241	145.615.297.241
Cộng	176.824.237.554	176.824.237.554	145.615.297.241	145.615.297.241

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2018	01/01/2018
Truy thu tiền thất thoát nước	296.966.691	440.121.156
Tạm thu chi phí thiết kế ống nhánh	133.687.998	148.687.998
Tiền nước chưa giải trách	9.414.837.908	3.594.594.439
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	19.367.000	19.367.000
Các khách hàng khác	92.205.088	131.519.097
Cộng	9.957.064.685	4.334.289.690

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/03/2018
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.187.313.163		3.520.826.326	(1.333.513.163)
Thuế thu nhập cá nhân	360.675.024	1.859.502.642	2.180.382.696	39.794.970
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	4.250.995.800	467.147.200		4.718.143.000
Các loại thuế khác	-			-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế khác	-			-
Phí bảo vệ môi trường	8.585.236.974	22.340.719.739	22.117.804.646	8.808.152.067
Cộng	15.384.220.961	24.670.369.581	27.822.015.668	12.232.576.874

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2018	01/01/2018
Trích trước chi phí thuế thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	4.037.768.487	10.679.095.194
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117		28.442.618.322
Trích trước chi phí gắn Ống cái		349.189.056
Trích trước thuê tài sản	11.873.384.574	
Trích trước chi phí mua sỉ nước sạch do chênh lệch giá	3.398.838.102	
Trích trước chi phí cung cấp dịch vụ khác	521.295.724	44.324.511
Cộng	19.831.286.887	39.515.227.083

15. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	14.463.668.748	15.483.856.213
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7.109.095.468	7.109.095.468
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	110.000.000	110.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.387.136	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5.195.064.073	5.158.604.073
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	231.285.902	239.749.986
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.109.013.304	1.116.623.691
Các khoản phải trả khác	699.822.865	1.740.395.857
b) Phải trả dài hạn khác	18.504.994.801	18.845.260.211
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	18.504.994.801	18.845.260.211
Cộng	32.968.663.549	34.329.116.424
Trong đó phải trả khác là bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7.109.095.468	7.109.095.468
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	110.000.000	110.000.000
Cộng	7.219.095.468	7.219.095.468

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay và nợ tài chính

	01/01/2018		Trong năm		31/03/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	1.788.212.721	1.788.212.721	-	449.879.167	1.338.333.554	1.338.333.554
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.16b (i))	1.788.212.721	1.788.212.721		449.879.167	1.338.333.554	1.338.333.554
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	3.711.736.608	3.711.736.608	2.003.310.524	-	5.715.047.132	5.715.047.132
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (i)	3.711.736.608	3.711.736.608			3.711.736.608	3.711.736.608
Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT			2.003.310.524		2.003.310.524	2.003.310.524
Cộng	5.499.949.329	5.499.949.329	2.003.310.524	449.879.167	7.053.380.686	7.053.380.686

(i) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo các hợp đồng sau :

[1] - Hợp đồng vay	: Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008
+ Hạn mức vay	: 5.688.000.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc	: Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Mỗi kỳ 158.000.000 VND
+ Lãi vay	: 8.4%/năm
+ Thời hạn vay	: 10 năm
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016	: 336.297.823 VND

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- [2] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT – KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009
+ Hạn mức vay : 705.845.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 19.606.805 VND. kỳ 36 trả 19.606.825 VND
+ Lãi vay : 8.4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016 : 82.195.229 VND
- [3] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT – KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010
+ Hạn mức vay : 108.942.413 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 3.026.178 VND, kỳ 36 trả 3.026.183 VND
+ Lãi vay : 8.4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016 : 45.392.655 VND
- [4] - Hợp đồng vay : Số 3703/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay : 2.555.536.000 VND
+ Thời gian ân hạn : 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc : Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 70.987.000 VND; Kỳ 36 là 70.991.000 VND)
+ Lãi vay : 11.4%/ năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi : 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016	: 1.566.542.460 VND
[5] - Hợp đồng vay	: Số 3710/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay	: 5.239.758.000 VND
+ Thời gian ân hạn	: 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Thanh toán trong 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ)
- Từ kỳ 1 tới 35 :	: Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.272.000/ kỳ : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.276.000/ kỳ
- Kỳ 36	: Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.293.000/ kỳ : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.285.000/ kỳ
+ Lãi vay	: 11.4%/ năm
+ Thời hạn vay	: 10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016	: 3.193.529.471 VND
[6] - Hợp đồng vay	: Số 3702/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay	: 8.155.804.000 VND
+ Thời gian ân hạn	: 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 226.550.000 VND; Kỳ 36 là 226.554.000 VND)
+ Lãi vay	: 11.4%/ năm
+ Thời hạn vay	: 10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016	: 2.475.161.446 VND

(j) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông Nghiệp theo các hợp đồng sau :

- Hợp đồng vay	: Hợp đồng 6220/LAV-201701235/HĐTD ngày 30/11/17 (giấy nhận nợ 6220-LDS-201800071 ngày 17/01/2018)
+ Hạn mức vay	: 2.003.310.524 VND
+ Thời gian ân hạn	: 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Chia 29 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 28 là 69.070.000 VND; Kỳ 29 là 69.350.524 VND)
+ Lãi vay	: 12 tháng đầu là 7.5%/ năm, tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất biến đổi, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng /lần hoặc khi có biến động lãi suất cho vay trên thị trường theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
+ Thời hạn vay	: 08 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày 20 của tháng cuối quý, bắt đầu trả nợ gốc ngày 17/01/2019
+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay

Khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Trong vòng 1 năm	1.853.514.712	1.788.212.721
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	4.370.745.450	3.711.736.608
Sau 5 năm	829.120.524	-
Cộng	<u>7.053.380.686</u>	<u>5.499.949.329</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.853.514.712)	(1.788.212.721)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>5.199.865.974</u>	<u>3.711.736.608</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 31 tháng 03
2017					
Quỹ khen thưởng	1.743.678.388	2.549.870.877	2.455.143.608	113.100.000	1.951.505.657
Quỹ phúc lợi	538.192.800	2.549.870.877	2.985.547.250	5.650.401	108.166.828
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	678.594.669	660.087.543	74.483.726	92.990.852
Cộng	2.281.871.188	5.778.336.423	6.100.778.401	193.234.127	2.152.663.337
2018					
Quỹ khen thưởng	1.951.505.657		1.961.530.000	110.990.000	100.965.657
Quỹ phúc lợi	108.166.828		135.377.200		(27.210.372)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	92.990.852		18.507.126		74.483.726
Cộng	2.152.663.337	-	2.115.414.326	110.990.000	148.239.011

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2017	130.000.000.000	57.386.667.692	21.946.515.784	209.333.183.476
Lãi trong năm trước	-	-	14.273.212.901	14.273.212.901
Trích lập các quỹ ĐTPT –DPTC	-	5.726.427.237	(5.726.427.237)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2017	130.000.000.000	63.113.094.929	15.614.965.021	208.728.059.950
01/01/2018	130.000.000.000	63.113.094.929	15.614.965.025	208.728.059.954
Lãi trong năm nay	-	-	(2.998.500.961)	(2.998.500.961)
Trích lập các quỹ ĐTPT –DPTC	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-
31/03/2018	130.000.000.000	63.113.094.929	12.616.464.060	205.729.558.989

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 số **0304797806** ngày 16 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2		31/03/2018	01/01/2018
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2.31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Thương mại CP Đông Á	2.766.520.000	2.13	2.766.520.000	2.766.520.000
Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2.31	3.005.000.000	3.005.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	14.200.000.000	10.92	-	14.200.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51.00	66.304.000.000	66.304.000.000
Các cổ đông khác	40.724.480.000	31.33	54.924.480.000	40.724.480.000
Cộng	130.000.000.000	100.00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	31/03/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
Doanh thu thuần	234.533.151.860	233.938.748.331
Doanh thu cung cấp nước	231.332.298.662	229.898.803.609
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.200.853.198	4.039.944.722
Cộng	234.533.151.860	233.938.748.331

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
Giá vốn cung cấp nước	222.492.209.341	225.033.593.853
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.243.061.030	1.617.094.532
Cộng	225.735.270.371	226.650.688.384

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	130.311.976	89.183.333
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.669.689	20.160.008
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng	142.981.665	109.343.341

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	156.470.636	215.945.750
Cộng	156.470.636	215.945.750
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	2.421.494.254	2.595.142.812
Chi phí nguyên vật liệu		64.620.213
Chi phí công cụ, dụng cụ	562.464.691	
Chi phí khấu hao	231.703.410	184.551.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí bằng tiền khác	430.140.009	272.636.410
Cộng	3.645.802.364	3.116.951.185
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.792.657.745	4.532.478.652
Chi phí vật liệu quản lý		
Chi phí đồ dùng văn phòng	839.278.061	278.327.632
Chi phí khấu hao TSCĐ	987.203.299	1.516.468.739
Thuế, phí và lệ phí	524.417.897	63.721.653
Chi phí dự phòng giảm giá		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.327.374	32.275.920
Chi phí bằng tiền khác	1.897.413.410	1.504.241.131
Cộng	8.173.297.786	7.927.513.727
7. Lợi nhuận khác		
Thu nhập khác	107.902.931	692.605.232
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu		32.727.276
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	94.725.121	641.447.615
Xử lý công nợ tồn đọng		
Thanh lý TSCĐ		
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước		18.427.000
Thu CT xây dựng đoạn kênh hàng bằng đường Mai Xuân Thưởng đến kênh vạt tợp		
Thu nhập khác	13.177.810	3.341
Chi phí khác	71.696.260	66.011.193
Chi phí hồ sơ mời thầu		
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý		
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	2.507.379	66.011.193
Chi phí bồi thường, di dời		
Chi phí khác	69.188.881	
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	36.206.671	626.594.039

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	(2.998.500.961)	(3.236.413.335)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	(2.979.010.829)	(6.179.255.156)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	(19.490.132)	2.942.841.820
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	40%	40%
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	(2.998.500.961)	(3.236.413.335)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	(1.182.767.443)	(2.493.845.984)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	(1.796.243.386)	(3.685.409.171)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	(19.490.132)	2.942.841.820
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	5%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009. Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008. Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau : Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm 2018 là năm Công ty không được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước.

Đối với hoạt động khác. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2,998,500,961)	(3,236,413,335)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2,998,500,961)	(3,236,413,335)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13,000,000	13,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(231)	(249)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2,998,500,961)	(3,236,413,335)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2,998,500,961)	(3,236,413,335)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	(2,998,500,961)	(3,236,413,335)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13,000,000	13,000,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13,000,000	13,000,000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(231)	(249)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
Chi phí nước sạch	173.347.976.224	186.639.759.697
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.187.743.321	2.140.841.473
Chi phí nhân công	22.066.548.641	23.164.211.788
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.019.367.905	12.185.343.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.005.711.948	32.275.920
Chi phí khác bằng tiền	16.927.022.482	13.532.720.446
Cộng	237.554.370.521	237.695.153.297

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ chưa thanh toán	-	
Cổ tức chưa thanh toán	1.109.013.304	1.116.623.691
Lãi tiền gửi còn dự thu	-	83.437.500

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	83.437.500	33.583.333
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	7.610.387	1.084.960.576
Thanh toán trước tiền mua tài sản cố định	-	17.942.280.968
Mua sắm tài sản cố định năm trước chi trả trong kỳ này	-	2.026.912.084

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình giao thông Công Chánh
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	173.347.976.224	186.639.759.697
Mua vật tư		2.777.365.000
Thuê tài sản hoạt động	11.873.384.574	
Lãi vay phải trả	156.470.636	215.945.750
Phải trả XDDB và TSCĐ		5.201.461.725
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác		
Phải thu do chi hộ		57.067.680
Phải thu thi công trực cứu hỏa		188.183
Phải thu do cung cấp dịch vụ khác	161.999.352	282.215.288

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước		
Phải trả phí thực hiện công trình XD/CB	559.344.861	126.767.557
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch		
Phải thu cung cấp dịch vụ	(123.437)	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<u>31/03/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	104.029.107.614	104.486.986.997
Phải thu các khoản chi hộ	2.872.765.106	2.987.027.416
Phải trả thương mại	(176.824.237.554)	(145.615.297.241)
Phải trả phí thực hiện công trình XD/CB	(7.109.095.468)	(7.109.095.468)
Phải trả tiền vay	5.050.070.162	(5.499.949.329)
Công ty Công trình giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(110.000.000)	(110.000.000)
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát công trình	261.229.733	446.849.460
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch		
Phải thu cung cấp dịch vụ	304.676.838	304.812.619

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng .

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Quý 1/2018</u>	<u>Quý 1/2017</u>
Tiền lương	439.212.565	375.351.696
Các khoản bảo hiểm phải trả	22.595.435	16.970.784
Cộng	461.808.000	392.322.480

2. Báo cáo theo bộ phận

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (quận 5, quận 6, quận 8, quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16a và V.16b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/03/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Các khoản vay	7.053.380.686	5.499.949.329
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(81.177.919.436)	(50.360.540.017)
Nợ thuần	(74.124.538.750)	(44.860.590.688)
Vốn chủ sở hữu	205.729.558.989	208.728.059.950
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	(0.36)	(0.21)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/03/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.177.919.436	81.177.919.436	50.360.540.017	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Phải thu của khách hàng	111.918.916.095	111.918.916.095	110.399.964.473	110.399.964.473
Phải thu khác	2.880.666.621	2.880.666.621	3.078.366.431	3.078.366.431
Cộng	195.985.832.152	195.985.832.152	163.847.200.921	163.847.200.921

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Phải trả cho người bán	185.492.549.009	185.492.549.009	153.361.303.772	153.361.303.772
Chi phí phải trả	19.831.286.887	19.831.286.887	39.515.227.083	39.515.227.083
Phải trả khác	32.727.990.511	32.727.990.511	34.079.979.300	34.079.979.300
Các khoản vay	7.053.380.686	7.053.380.686	5.499.949.329	5.499.949.329
Cộng	245.105.207.093	245.105.207.093	232.456.459.484	232.456.459.484

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/03/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.177.919.436	-	-	81.177.919.436
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu của khách hàng	111.918.916.095	-	-	111.918.916.095
Phải thu khác	2.872.765.106	7.901.515	-	2.880.666.621
Cộng	195.969.600.637	16.231.515	-	195.985.832.152
Phải trả cho người bán	185.492.549.009	-	-	185.492.549.009
Chi phí phải trả	19.831.286.887	-	-	19.831.286.887
Phải trả khác	14.222.995.710	18.504.994.801	-	32.727.990.511
Các khoản vay	1.853.514.712	4.370.745.450	829.120.524	7.053.380.686
Cộng	221.400.346.318	22.875.740.251	829.120.524	245.105.207.093
Chênh lệch thanh khoản thuần	(25.430.745.681)	(22.859.508.736)	(829.120.524)	(49.119.374.941)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.360.540.017	-	-	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu của khách hàng	110.399.964.473	-	-	110.399.964.473
Phải thu khác	3.070.464.916	7.901.515	-	3.078.366.431
Cộng	163.830.969.406	16.231.515	-	163.847.200.921
Phải trả cho người bán	153.361.303.772	-	-	153.361.303.772
Chi phí phải trả	39.515.227.083	-	-	39.515.227.083
Phải trả khác	15.234.719.089	18.845.260.211	-	34.079.979.300
Các khoản vay	1.788.212.721	3.711.736.608	-	5.499.949.329
Cộng	209.899.462.665	22.556.996.819	-	232.456.459.484
Chênh lệch thanh khoản thuần	(46.068.493.259)	(22.540.765.304)	-	(68.609.258.563)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

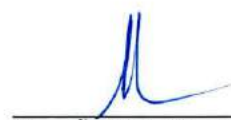
Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2018



Lê Trọng Hiếu
Giám đốc


Vũ Thị Như Quỳnh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Kim Loan
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

